TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2021
V/v: "*Tranh chấp về yêu cầu ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu H - sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh Ph - sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/4/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thu H trình bày: Tôi và chồng tôi là Lê Thanh Ph kết hôn với nhau vào cuối năm 1992, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng không có đăng kí kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chúng tôi đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Lê Thanh Ph.

Về con chung: Chúng tôi có hai người chung tên Lê Tuấn Anh - sinh năm 1994 và Lê Phương Anh - sinh ngày 01/01/2003, hiện con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là Lê Thanh Ph.

Về con chung: Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên nên tôi không có yêu cầu gì.

Đối với bị đơn ông Lê Thanh Ph trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Ph nhiều lần nhưng ông vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Ph đã được thông báo tống đạt đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của bà Nguyễn Thu H và ông Lê Thanh Ph là vợ chồng. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thu H và ông Lê Thanh Ph là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thu H và bị đơn ông Lê Thanh Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt còn ông Ph đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông Ph là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H và ông Lê Thanh Ph kết hôn với nhau vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng không có đăng kí kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Tuy nhiên, trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thu H và ông Lê Thanh Ph là vợ chồng.

Đối với ông Lê Thanh Ph, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp đến nhà ông Ph tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật nhưng ông Ph thường xuyên không có ở nhà, ông Ph đi làm ở Bình Dương khoảng 3-4 tháng về thăm nhà 1 lần, việc này có xác nhận của đại diện chính quyền địa phương ông Đỗ Hoàng Ph1 và người sống cùng nhà với ông Ph là bà

Phạm Thị Ch xác nhận là đúng. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản đối với ông theo quy định của pháp luật. Do vậy, có đủ căn cứ xác định ông Ph đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông Ph không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông theo qui định của pháp luật.

[4] Về con chung: Bà H xác định bà với ông Ph có hai người chung tên Lê Tuấn A - sinh năm 1994 và Lê Phương A1 - sinh ngày 01/01/2003, hiện con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định bà với ông Ph không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Thu H phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002741, ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thu H và ông Lê Thanh Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Thu H phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002741, ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 22/6/2021. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh